

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Khung chương trình đào tạo Sư phạm Lịch sử - Địa lí,
trình độ đại học**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Quy chế tổ chức, hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1323/QĐ-ĐHTN ngày 28 tháng 7 năm 2021 của Giám đốc Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định về đào tạo trình độ đại học theo hệ thống tín chỉ của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng trường, Trường Đại học Sư phạm về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều và sửa đổi phụ lục của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 18/NQ-HĐT ngày 02 tháng 4 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc ban hành Quy định đào tạo trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm; Quyết định số 5479/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm Sửa đổi một số điều trong Quy định đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm ban hành theo Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021; Quyết định số 624/QĐ-ĐHSP ngày 28 tháng 03 năm 2023 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm về việc sửa đổi một số điều trong Quy định đào tạo đại học của Trường Đại học Sư phạm ban hành theo Quyết định số 4748/QĐ-ĐHSP ngày 16 tháng 11 năm 2021 và Quyết định số 5479/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 12 năm 2021 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 91/QĐ-ĐHSP ngày 10 tháng 01 năm 2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Thái Nguyên về việc ban hành Quy định phát triển chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học của Trường Đại học Sư phạm;

Theo đề nghị của Trường phòng Phòng Đào tạo.





QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Chương trình đào tạo Sư phạm Lịch sử - Địa lí, trình độ đại học của Trường Đại học Sư phạm (có Khung chương trình đào tạo kèm theo).

Điều 2. Khung chương trình đào tạo Sư phạm Lịch sử - Địa lí, trình độ đại học ban hành kèm theo Quyết định này áp dụng đào tạo từ khoá 59 trở đi.

Điều 3. Trưởng phòng Phòng Đào tạo, các Trường đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

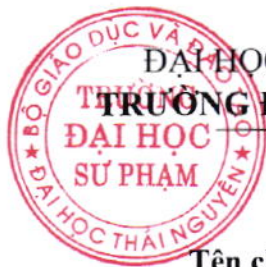
Nơi nhận:

- ĐHTN (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Website Trường;
- Lưu: ĐT, VT (02).

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS Mai Xuân Trường



ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CHƯƠNG TRÌNH KHUNG GIÁO DỤC ĐẠI HỌC K59

Tên chương trình: Sư phạm Lịch sử - Địa lí

Trình độ đào tạo: Đại học

Ngành đào tạo: Sư phạm Lịch sử - Địa lí

Mã ngành: 7140249

(Ban hành theo Quyết định số: 2263 /QĐ-ĐHSP, ngày 16 tháng 8 năm 2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm).

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
I	Kiến thức giáo dục đại cương		26								
1	59SPH131	Triết học Mác – Lênin	3	32	10	6	10				1
2	59SPE121	Kinh tế chính trị Mác-Lênin	2	21	6	6	6			59SPH131	2
3	59SSO121	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	21	6	6	6			59SPE121	3
4	59HCM121	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	6	6	6			59SSO121	4
5	59HPV121	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	21	6	6	6			59HCM121	5
6	59GEL121	Pháp luật đại cương	2	21	6	6	6				6
7	59ENG131	Tiếng Anh 1	3	30	10	15	5				1
8	59ENG132	Tiếng Anh 2	3	30	10	15	5			59ENG131	2
9	59ENG143	Tiếng Anh 3	4	40	15	20	5			59ENG132	3
10	59GIF131	Tin học đại cương	3	20	6	40	4				1
11	59PHE111	Giáo dục thể chất 1	2	4		36					2
12	59PHE112	Giáo dục thể chất 2	2	4		36					1
13	59PHE113	Giáo dục thể chất 3	2	4		36					3
14	59MIE131	Giáo dục quốc phòng		05 tuần tập trung							4
II	Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		57								
2.1	Kiến thức cơ sở		18								
Các học phần bắt buộc			12								
15	59GPG231	Địa lí tự nhiên đại cương	3	35	5	5	10				1
16	59GSG231	Địa lí kinh tế - xã hội đại cương	3	35	10		10				2
17	59IOH231	Nhập môn Sử học	3	36	6	6	6				1
18	59HIC231	Lịch sử văn minh thế giới	3	36	6	6	6				3
Các học phần tự chọn			6								
19	59RBV231	Tôn giáo và tín ngưỡng Việt Nam	3	36	6	6	6				2
20	59GME231	Bản đồ học	3	35	5	10	5				2

Chant mpo

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
21	59ESD231	Môi trường và phát triển bền vững	3	35	10		10				2
22	59GEH231	Nhân học đại cương	3	36	6	6	6				2
2.2	Kiến thức ngành		39								
Các học phần bắt buộc			33								
23	59NGC331	Địa lí tự nhiên các châu lục	3	35	5	10	5				3
24	59WSG331	Địa lí kinh tế - xã hội thế giới	3	35	10		10				4
25	59NGV331	Địa lí tự nhiên Việt Nam	3	35	5	10	5				6
26	59VSG341	Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam	4	45	10	10	10				7
27	59WHP331	Lịch sử Thế giới 1	3	36	6	6	6				4
28	59WHP332	Lịch sử Thế giới 2	3	36	6	6	6				5
29	59VHP331	Lịch sử Việt Nam 1	3	36	6	6	6				4
30	59VHP332	Lịch sử Việt Nam 2	3	36	6	6	6				6
31	59NGF321	Thực địa Địa lí tự nhiên	2			60					2
32	59EGF321	Thực địa Địa lí kinh tế - xã hội	2			60					6
33	59SPV321	Thực tế lịch sử 1	2			60					4
34	59SPV322	Thực tế lịch sử 2	2			60					7
Các học phần tự chọn			6								
35	59GOT331	Địa lí du lịch	3	35	10		10				5
36	59CND331	Biến đổi khí hậu và phòng tránh thiên tai	3	35	5	10	5				5
37	59HSA331	Lịch sử Đông Nam Á	3	36	6	6	6				5
38	59DHO331	Lịch sử ngoại giao Việt Nam	3	36	6	6	6				5
III	Kiến thức nghiệp vụ		31								
Các học phần bắt buộc			25								
39	59EPS431	Tâm lý học giáo dục	3	30	6	16	8				3
40	59PEP431	Giáo dục học	3	31	8	12	8			59EPS431	4
41	59COS431	Giao tiếp sư phạm	3	27	6	24	6			59EPS431, 59PEP431	6
42	59THG441	Lí luận dạy học Lịch sử và Địa lí	4	45		10	16	2			5

Chức
MKT

TT	Mã số	Môn học	Số TC	Loại giờ tín chỉ					HP tiên quyết	HP học trước	Học kỳ dự kiến
				Lên lớp							
				Lý thuyết	Bài tập	Thực hành/ Thí nghiệm	Thảo luận/ Seminar	Thực tế CM			
43	59MHG431	Phương pháp dạy học Lịch sử và Địa lí ở trường phổ thông	3	35		8	8	2		59THG441	6
44	59PPH421	Thực hành sư phạm Lịch sử	2			60					7
45	59PPG421	Thực hành sư phạm Địa lí	2			60					7
46	59TRA421	Thực tập sư phạm 1	2	03 tuần ở trường phổ thông					59PPH421, 59PPG421		5
47	59TRA432	Thực tập sư phạm 2	3	07 tuần ở trường phổ thông					59TRA421		8
Các học phần tự chọn			6								
48	59AHG431	Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học Lịch sử và Địa lí	3	15		60					7
49	59EHC431	Giáo dục Lịch sử Văn hoá địa phương	3	36	4	10	4				7
50	59DHG431	Phát triển chương trình và kiểm tra đánh giá trong dạy học Lịch sử - Địa lí	3	35		10	10				7
51	59PTG431	Địa danh và dạy học Địa lí địa phương	3	35		10	10				7
IV	Khóa luận tốt nghiệp		6								
52	59GTH904	Khoá luận tốt nghiệp	6								8
Các học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp			6								
53	59SWD931	Sử dụng bền vững tài nguyên đất và nước	3	35	10		10				8
54	59FHG931	Chuyên đề bồi dưỡng học sinh giỏi Lịch sử và Địa lí	3	35	10		10				8
55	59IHG931	Chủ đề tích hợp trong dạy học Lịch sử và Địa lí	3	35		10	10				8
56	59RVH931	Các cuộc cải cách trong Lịch sử Việt Nam	3	36	6	6	6				8
Tổng cộng			120								

Ghi chú: Tổng số 120 tín chỉ (không bao gồm các học phần Giáo dục thể chất và Giáo dục quốc phòng).

Uant

Ngũ